

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công  
vốn ngân sách tỉnh năm 2023**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính  
phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội  
đồng nhân dân tỉnh Bình Định khóa XIII, kỳ họp thứ 11 về điều chỉnh, bổ sung  
kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2023;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2023, như sau:

1. Bổ sung kế hoạch năm 2023 “nguồn bội chi ngân sách” với số tiền 31.700 triệu đồng.

*(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo)*

2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2023, cụ thể:

a) Nguồn vốn đầu tư tập trung: điều chỉnh, bổ sung 54.519,846 triệu đồng.

b) Nguồn thu tiền sử dụng đất: điều chỉnh, bổ sung 72.542 triệu đồng.

c) Nguồn Bội chi ngân sách (vay lại vốn ODA năm 2023):

- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch nguồn bội chi ngân sách đã bố trí: 3.305 triệu đồng.

- Bố trí nguồn bội chi ngân sách bổ sung năm 2023: 31.700 triệu đồng.

d) Nguồn vốn Xổ số kiến thiết: phân bổ chi tiết 12.000 triệu đồng.

*(Chi tiết như Phụ lục số 02, 03, 04 kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh hướng dẫn các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ KH&ĐT, Bộ TC;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, CV;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, K1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

## Phụ lục 01

**BỔ SUNG TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÂN TRỌNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG  
ĐƯỢC HĐND TỈNH GIAO NĂM 2023**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)*

*DVT: Triệu đồng*

STT	Tên dự án	Kế hoạch vốn năm 2023 được HĐND tỉnh thông qua	Bổ sung	Kế hoạch vốn năm 2023 sau khi bổ sung	Ghi chú
<b>A</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TỈNH</b>				
	<i>Trong đó:</i>				
<b>I</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>6.297.180</b>	<b>31.700</b>	<b>6.328.880</b>	
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	585.680	0	585.680	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	5.500.000	0	5.500.000	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	120.000	0	120.000	
4	Bội chi ngân sách	91.500	31.700	123.200	Tổng số vay trong năm 2023 của tỉnh Bình Định được bố trí chi tiết tại Phụ lục 03

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đầu tư công trung hạn NST giai đoạn 2021 - 2025 bố trí đến nay				Điều chỉnh vốn NST: tăng (+), giảm (-)			KH 2023 sau khi điều chỉnh			Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó Kế hoạch năm 2023			Tổng số	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	KH vốn năm 2023	Tổng số	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	KH vốn năm 2023	
								Tổng số	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
<b>A</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TỈNH</b>																
<b>I</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG</b>																
	<i>Điều chỉnh giảm</i>																
1	XỬ LÝ THANH TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH QUYẾT TOÁN					200.000,000	76.294,000	40.000,000	0,000	40.000,000	-30.569,846	0,000	-30.569,846	9.430,154	0,000	9.430,154	
2	Trụ sở làm việc của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	2537/QĐ-UBND; 11/08/2022	75.000,000	75.000,000	75.000,000	49.900,000	49.900,000	22.000,000	27.900,000	-13.950,000	0,000	-13.950,000	35.950,000	22.000,000	13.950,000	
3	Nhà làm việc Liên minh hợp tác xã tỉnh	Liên minh hợp tác xã tỉnh		7.000,000	7.000,000	7.000,000	5.000,000	5.000,000	3.000,000	2.000,000	-1.000,000	0,000	-1.000,000	4.000,000	3.000,000	1.000,000	
4	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn	TT NS và VSMT nông thôn		75.240,000	55.000,000	54.111,000	19.200,000	18.000,000	0,000	18.000,000	-9.000,000	0,000	-9.000,000	9.000,000	0,000	9.000,000	
	<i>Điều chỉnh tăng</i>																
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối Quốc lộ 1 (tuyến đường Tài Lương – Ca Công và tuyến đường Bình Chương – Hoài Mỹ), huyện Hoài Nhơn	UBND TX Hoài Nhơn	3990/QĐ-UBND; 28/9/2020 1250/QĐ-UBND; 18/04/2022	283.852,001	87.951,965	64.762,000	49.147,455	12.500,000	0,000	12.500,000	17.000,000	0,000	17.000,000	29.500,000	0,000	29.500,000	
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu Mục Kiến (ĐT 638) đi trung tâm xã ĐakMang	UBND huyện Hoài Ân	429/QĐ-UBND 11/02/2022	69.525,000	39.631,000	39.631,000	18.000,000	0,000	0,000	0,000	17.019,846	0,000	17.019,846	17.019,846	0,000	17.019,846	
3	Xây dựng mới khoa Truyền nhiễm - Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Sở Y tế	135/QĐ-SKHDT; 12/7/2022	14.000,000	14.000,000	14.000,000	5.300,000	4.000,000	0,000	4.000,000	4.500,000	0,000	4.500,000	8.500,000	0,000	8.500,000	
4	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn, hạng mục: Khu điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ	UBND TX An Nhơn	3907/QĐ-UBND; 22-09/2021	60.920,782	21.146,187	18.000,000	8.000,000	1.500,000	0,000	1.500,000	8.000,000	0,000	8.000,000	9.500,000	0,000	9.500,000	
5	Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu đô thị Diêm Văn	Ban QLDA Giao thông	4486/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	519.798,934	519.798,934	445.199,000	282.100,000	0,000	0,000	0,000	5.514,000	0,000	5.514,000	5.514,000	0,000	5.514,000	
6	Trạm kiểm soát biên phòng Phước Sơn thuộc đồn Biên phòng Nhơn Lý (320)	BCH BP tỉnh	220/QĐ-SKHDT, 15/11/2022	4.732,000	4.732,000	5.000,000	1.500,000	0,000	0,000	0,000	2.486,000	0,000	2.486,000	2.486,000	0,000	2.486,000	
<b>II</b>	<b>NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>																
	<i>Điều chỉnh giảm</i>																
1	XÂY DỰNG NHÀ Ở CHO NGƯỜI NGHÈO					50.000,000	50.000,000	50.000,000	0,000	50.000,000	-50.000,000		-50.000,000	0,000	0,000	0,000	
2	Dự án Hoán thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Bình Định	Sở Nội vụ	918/QĐ-UBND 24/3/2016	21.190,018	17.290,000	6.300,000	4.959,000	4.800,000	4.800,000	0,000	-4.542,000	-4.542,000	0,000	258,000	258,000	0,000	

STT	Tên dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đầu tư công trung hạn NST giai đoạn 2021 - 2025 bố trí đến nay				Điều chỉnh vốn NST: tăng (+), giảm (-)			KH 2023 sau khi điều chỉnh			Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó Kế hoạch năm 2023			Tổng số	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	KH vốn năm 2023	Tổng số	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	KH vốn năm 2023	
								Tổng số	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 (dự án 27)	VP Tỉnh ủy		34.676,000	34.676,000	34.000,000	15.000,000	15.000,000	7.000,000	8.000,000	-4.000,000	0,000	-4.000,000	11.000,000	7.000,000	4.000,000	
4	Sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc Văn phòng Tỉnh ủy - 102 Nguyễn Huệ	VP Tỉnh ủy		30.234,345	30.234,345	30.000,000	15.000,000	15.000,000	5.000,000	10.000,000	-5.000,000	0,000	-5.000,000	10.000,000	5.000,000	5.000,000	
5	Cải tạo, sửa chữa nhà 04 Trần Phú	VP Tỉnh ủy		10.000,000	10.000,000	7.000,000	6.000,000	6.000,000	1.000,000	5.000,000	-2.500,000	0,000	-2.500,000	3.500,000	1.000,000	2.500,000	
6	Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài	TT NS và VSMT nông thôn		52.000,000	52.000,000	42.000,000	10.000,000	10.000,000	0,000	10.000,000	-5.000,000	0,000	-5.000,000	5.000,000	0,000	5.000,000	
7	Nâng cấp nhà máy cấp nước sinh hoạt xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước	TT NS và VSMT nông thôn		8.000,000	7.000,000	5.000,000	3.000,000	3.000,000	0,000	3.000,000	-1.500,000	0,000	-1.500,000	1.500,000	0,000	1.500,000	
<b>Điều chỉnh tăng</b>											<b>72.542,000</b>	<b>4.542,000</b>	<b>68.000,000</b>				
1	Đổi ứng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới					140.000,000	87.000,000	40.000,000		40.000,000	30.000,000		30.000,000	70.000,000	0,000	70.000,000	
2	Chương trình Bê tông xi măng giao thông nông thôn và Kiến cổ hóa kênh mương					500.000,000	185.965,840	60.000,000		60.000,000	20.000,000		20.000,000	80.000,000	0,000	80.000,000	
3	Đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cầu Phong Thạnh đến đường ĐT.629	UBND huyện Hoài Ân	2926/QĐ-UBND 09/9/2022	53.196,000	26.255,000	21.000,000	6.000,000	10.500,000	0,000	6.000,000	9.542,000	4.542,000	5.000,000	15.542,000	4.542,000	11.000,000	
4	Trụ sở làm việc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định	BQL KKT	120/QĐ-BQL 13/5/2021; 419/QĐ-BQL 07/12/2022	64.632,000	64.632,000	64.000,000	40.000,000	20.000,000	0,000	20.000,000	10.514,000		10.514,000	30.514,000	0,000	30.514,000	
5	Tuyến đường từ Cột cờ đến Giếng Tiên phục vụ du lịch kết hợp quốc phòng an ninh trên đảo Cù Lao Xanh	BCH QS tỉnh	264/QĐ-SKHDT ngày 30/12/2022	4.486,000	4.486,000	4.600,000	2.000,000	2.000,000	0,000	2.000,000	2.486,000		2.486,000	4.486,000	0,000	4.486,000	

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỘ CHI NGÂN SÁCH (KẾ HOẠCH VỐN VAY LẠI ODA) NĂM 2023***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)**ĐVT: triệu đồng*

ST T	Danh mục dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch năm 2023	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
				Điều chỉnh kế hoạch vốn đã được giao: Tăng (+); Giảm (-)	Bổ trí phần kế hoạch vốn bổ sung		
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7=4+5+6</b>	<b>8</b>
<b>A</b>	<b>BỘ CHI NGÂN SÁCH</b>			<b>0</b>	<b>31.700</b>		
	<i>Điều chỉnh giảm</i>			<i>-3.305</i>	<i>0</i>		
1	Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP), tỉnh Bình Định	Sở GTVT	9.154	-1.777		7.377	
2	Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	Ban QLDA XD DD&CN	38.778	-1.528		37.250	
	<i>Điều chỉnh tăng/bổ sung</i>			<i>3.305</i>	<i>31.700</i>		
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - dự án thành phần tỉnh Bình Định	Ban QLDA NN&PTNT	43.568	3.305	31.700	78.573	

**PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TỈNH KẾ HOẠCH NĂM 2023  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2023
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
	<b>TỔNG CỘNG</b>							<b>12.000,00</b>
<b>1</b>	<b>HUYỆN HOÀI AN</b>	-						<b>4.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Xã Ân Hữu</b>				<b>12.439</b>	<b>4.000</b>	<b>8.439</b>	<b>4.000</b>
<b>a</b>	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>							
	<i>Tiêu chí: giao thông</i>							
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông số 2 (thôn Liên Hội)	thôn Liên Hội	2023		6.589	2.000	4.589	2.000,00
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường liên thôn từ Nhà ông Mai, thôn Liên Hội đi nhà ông Chúng, thôn Hội Nhon	Thôn Liên Hội, Hội NHon	2023		3.850	1.000	2.850	1.000,00
	<i>Tiêu chí: Cơ sở vật chất văn hóa</i>							
	Xây dựng tường rào công nghệ khu thể thao, sân vận động xã	Ân Hữu	2023		2.000	1.000	1.000	1.000,00
<b>2</b>	<b>HUYỆN VĨNH THẠNH</b>							<b>4.000</b>
<b>2.1</b>	<b>Xã Vĩnh Hảo</b>				<b>4.445</b>	<b>4.000</b>	<b>445</b>	<b>4.000</b>
<b>a</b>	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>							
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>							
	BTXM đường từ ĐH30 đến Bệnh viện cũ, thôn Định Nhất	Định Nhất	2023		856	770	86	770,00
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>							
	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa các thôn	Định Tam, Định Nhất	2023		222	200	22	200,00
	<i>Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>							
	Nâng cấp chợ trung tâm xã	Định Tam	2023		989	890	99	890,00
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>							
	Thoát nước, chống ngập đọng cục bộ khu vực nhà văn hóa đa năng xã	Định Tam	2023		1.167	1.050	117	1.050,00
	Xây dựng rãnh thoát nước chống ngập úng cục bộ trong khu dân cư	Định Tam, Định Trị	2023		1.211	1.090	121	1.090,00
<b>3</b>	<b>HUYỆN TÂY SON</b>	-						<b>4.000</b>
<b>3.1</b>	<b>Xã Vĩnh An</b>				<b>8.253</b>	<b>4.000</b>	<b>4.253</b>	<b>4.000</b>

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2023
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
<b>a</b>	<b>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</b>							
	<b>Tiêu chí 02: Giao thông</b>							
	Nâng cấp, mở rộng đường từ cầu suối Đá đến nhà Đỉnh Rời	Kon Giang	2023		1.793	870	923	870,00
	Nâng cấp, mở rộng đường từ nhà Đỉnh Ấp đến nhà Đỉnh Chương	Xà Tang	2023		1.611	780	831	780,00
	Nâng cấp, mở rộng đường nội bộ làng Kon Giang	Kon Giang	2023		977	470	507	470,00
	Nâng cấp, mở rộng đường nội bộ làng Kon Giọt 2	Kon Giọt 2	2023		1.409	690	719	690,00
	Nâng cấp, mở rộng đường nội bộ làng Kon Giọt 1	Kon Giọt 1	2023		1.611	780	831	780,00
	Nâng cấp, mở rộng đường nội bộ làng Kon Mon	Kon Mon	2023		768	370	398	370,00
	Nâng cấp, mở rộng đường nội bộ làng Xà Tang	Xà Tang	2023		84	40	44	40,00